

XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

THÁNG 10/1998, HỘI NGHỊ THẾ GIỚI LẦN THỨ 1 VỀ GDĐH (WCHE PARIS-1998), BAO GỒM 4000 ĐẠI BIỂU CỦA 120 NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC TỔ CHỨC TẠI PARIS ĐỂ “THỎA THUẬN VỀ MỘT NỀN GDĐH MÀ CHÚNG TA CẦN CHO THẾ KỶ SẮP TỚI: 10 NĂM SAU, VÀO THÁNG 7 NĂM 2009, SAU CÁC THẢO LUẬN TRÊN MẠNG INTERNET, HƠN 1000 ĐẠI BIỂU TỪ KHOẢNG 150 NƯỚC ĐÃ VỀ DỰ HỘI NGHỊ THẾ GIỚI LẦN THỨ 2 VỀ GDĐH (WCHE PARIS-2009), CŨNG TẠI PARIS. HỘI NGHỊ NÀY MANG TIÊU ĐỀ “CÁC ĐỘNG LỰC MỚI CỦA GDĐH VÀ NGHIÊN CỨU VÌ SỰ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN”.

XU HƯỚNG MỚI CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- Trong thập niên đầu thế kỷ 21 những biến đổi căn bản và lớn lao của GDĐH thế giới có thể tóm tắt như sau. Trước hết, đó là quy mô GDĐH thế giới bùng nổ, sự căng thẳng về tài chính cho GDĐH hết sức gay gắt. Đồng thời máy tính và Internet (new information and communication technology – NICT) đã tạo nên các dạng thức chuyển giao tri thức toàn cầu mà trước đây không thể nào tưởng tượng nổi. Các cơ sở GDĐH ngày càng cạnh tranh

manh mẽ để chiếm được nguồn lực khan hiếm từ trong nước và từ số sinh viên du học ở nước ngoài tăng lên nhanh chóng. Các trường đại học, bao gồm cả số trường tư tăng lên nhanh chóng, đang triển khai mạnh mẽ chưa từng thấy việc cùng các đối tác quốc tế mở nhiều chương trình đào tạo và thậm chí các chi nhánh đào tạo ở nước ngoài. Các xu hướng trên đã được nêu tại Hội nghị thế giới về GDĐH ở Paris năm 1998, nhưng ngày nay cường độ của chúng lớn hơn nhiều.

- Sự chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức

làm cho nhu cầu của nền GDĐH đại chúng gia tăng. Vào năm 2007 trên thế giới có 152,5 triệu sinh viên sau trung học, tăng khoảng 50% so với năm 2000, tương ứng tỷ lệ sinh viên ở độ tuổi ĐH (gross enrolment rate – GER) của toàn thế giới tăng từ 19% lên 26%. Tỷ lệ trung bình nói trên khác nhau ở các khu vực: 71% ở Bắc Mỹ và Tây Âu, 26% ở Đông Á và Thái Bình Dương, 23% ở khối Ả Rập, 11% ở Nam và Tây Á, và chỉ 6% ở châu Phi. Cơ hội học tiểu học của một đứa trẻ ở vùng cận Sahara thấp hơn so với cơ hội học ĐH của một thanh niên châu Âu. Trong từng

GS.TS LÂM QUANG THIỆP

nước tỷ lệ học ĐH cũng chênh lệch lớn: cơ hội đối với vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số rất thấp. Với số lượng sinh viên gia tăng, điều kiện đảm bảo cho GDDH giảm sút: phổ biến là các lớp có đông sinh viên, phương tiện học tập thiếu thốn, rõ nhất là ở châu Phi, ở các nước đang phát triển và các nước kinh tế chuyển đổi (xã hội chủ nghĩa cũ). Các trường công lập buộc phải thu học phí, kể cả các nước trước đây có truyền thống GDDH miễn phí. Xu hướng kinh doanh ngày càng rõ ở các trường đại học: tìm nguồn tài chính từ việc nghiên cứu cho doanh nghiệp và nhà nước, từ việc phát triển các chương trình đào tạo có thu tiền theo yêu cầu của doanh nghiệp. Sự quá chú trọng kiếm tiền xói mòn các hoạt động truyền thống của các trường đại học: việc giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực nhân văn, các tạp chí và truyền thanh truyền hình phi thương mại. Các chính phủ cũng thay thế việc cung cấp kinh phí nghiên cứu bằng cách xét tuyển theo cơ chế cạnh tranh. Các trường ĐH ngày càng nghiêng về các chương trình đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp, các kiến thức giáo dục đại cương, các tư duy phê phán và sáng tạo cần thiết cho những nhà lãnh đạo, cũng như các nghiên cứu phục vụ cho các nhu cầu địa

phương ít được chú ý.

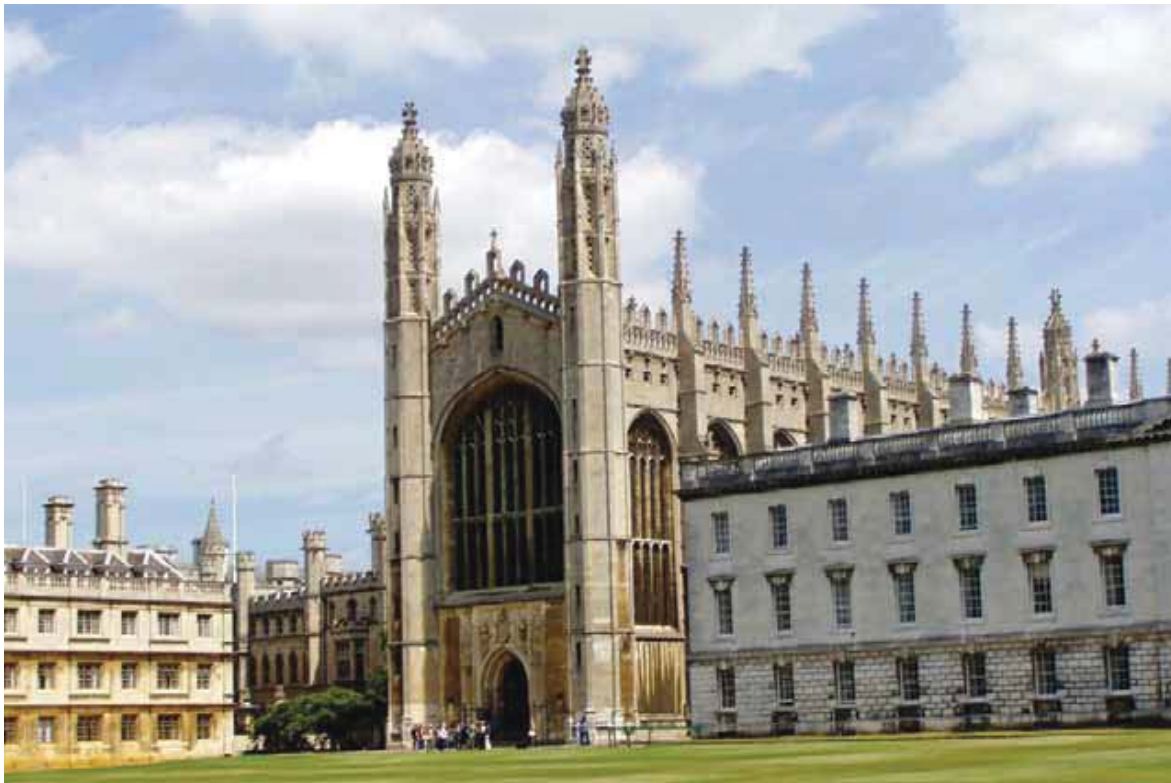
Một hiện tượng nổi bật khác của GDDH hiện nay là các trường ĐH ở một số nước tăng cạnh tranh để thu hút sinh viên quốc tế. Năm 2007 có hơn 2,8 triệu sinh viên du học nước ngoài, nhiều nhất từ Trung Quốc (421.100), Ấn Độ (153.300), Hàn Quốc (105.300). Các nước thu nhận sinh viên quốc tế nhiều nhất là Hoa Kỳ (595.900), Vương quốc Anh (351.500) và Pháp (246.600). Toàn cầu hóa còn tác động đến GDDH theo các hướng khác. Chẳng hạn, một số nước cũng phấn đấu trở thành trung tâm thu hút sinh viên quốc tế, tiêu biểu là Qatar, Singapore và Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất.

- Nhiều thỏa thuận thúc đẩy trao đổi và hợp tác khu vực về GDDH, chẳng hạn Quá trình Bologna tạo sự hòa hợp của hàng nghìn hệ thống văn bằng khác nhau của hơn 40 nước châu Âu. Các cố gắng tương tự cũng được thể hiện ở các khu vực khác như châu Mỹ Latin, châu Phi, Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương. Một sự kiện đáng lưu ý là “Tuyên bố Hà Nội về Không gian Giáo dục ASEAN” đã được thông qua ngày 23/11/2007 ở Văn Miếu Hà Nội tại “Diễn đàn Giáo dục ASEAN 2007”. Rất tiếc là cho đến nay chưa thấy

các bước triển khai cụ thể để đưa tuyên bố này vào cuộc sống. Một thách thức quan trọng trong quá trình hội nhập là việc so sánh các trường ĐH và văn bằng ở các nước khác nhau. Một xu hướng mới của GDDH các nước hiện nay là dựa trên đánh giá của các cơ sở đồng nghiệp hơn là của nhà nước, và đánh giá đầu ra (các tri thức và kỹ năng mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được) chứ không phải đầu vào (đội ngũ giáo chức, nguồn lực của nhà trường).

- Một xu hướng nổi bật khác là sự bùng nổ nhanh chóng GDDH tư. Đông Á và Hoa Kỳ là nơi các trường tư đóng vai trò quan trọng, số sinh viên ngày nay chiếm khoảng 30%, thì ở một số nước như Brazil, Chile và châu Phi số sinh viên các trường tư vượt xa sinh viên các trường công. Về cơ cấu sinh viên, số sinh viên vừa học vừa làm và sinh viên quốc tế ngày càng tăng. Giáo dục từ xa và Internet tạo cơ hội phát triển nhiều chương trình GDDH xuyên biên giới. Vấn đề về bằng giả, về các cỗ máy in bằng rôm (degree mills) cũng là một thách thức của GDDH hiện nay, đòi hỏi phải có sự hợp tác từ nhiều phía để ngăn chặn.

Trong thập niên đầu của thế kỷ 21 qua một xu thế nổi trội về GDDH ở các nước kinh tế phát triển nhanh và cả một số





nước đang phát triển là phần đầu để xây dựng một số trường ĐH đẳng cấp thế giới (world class university). Biểu hiện rõ nhất là ở Trung Quốc: Chính phủ Trung Quốc đã chi bổ sung 20 tỷ USD qua Dự án 211 cho khoảng 100 trường ĐH hàng đầu để nâng các trường này lên vị trí dẫn đầu quốc gia, và một khoản ngân sách lớn khác qua dự án 985 cho một số ít trường ĐH tinh hoa nhằm đạt đẳng cấp thế giới. Hiện nay ở Trung Quốc có khoảng 150 trường ĐH đỉnh cao trực thuộc Chính phủ, trong đó một nhóm 9 trường theo đuổi mục tiêu nhanh chóng trở thành “đẳng cấp thế giới”. Chính phủ Ấn Độ cũng tuyên bố dự định xây dựng 14 trường ĐH tổng hợp mới thành đẳng cấp thế giới. Một số nước khác, như Malaysia, thì việc nâng một vài trường ĐH “đẳng cấp thế giới” cũng trở thành một mục tiêu quan trọng mà chính phủ theo đuổi. Quan hệ chặt chẽ với xu thế theo đuổi xây dựng các trường ĐH đẳng cấp thế giới, việc xếp hạng các trường ĐH cũng được chú ý đặc biệt, các tổ chức xếp hạng được chú ý nhất là của ĐH Giao thông Thượng hải (Shanghai Jieotong University - SJTU) và Phụ trương GDDH của Thời báo London (Times Higher Education Supplement – THES). Cả hai bảng

xếp hạng đều nặng về tiêu chí nghiên cứu, tuy rằng bằng tiêu chí của THES có toàn diện hơn. Dù sao cho đến nay không có cơ quan xếp hạng nào không bị chỉ trích về các khiếm khuyết khác nhau. Bàn về điều kiện để trở thành một ĐH nghiên cứu tốt, tiến lên một ĐH “đẳng cấp thế giới”, các nhà nghiên cứu thường nêu ra các tiêu chí, có thể xếp vào ba nhóm: 1) tập trung nhiều tài năng, 2) dồi dào về nguồn lực, 3) cơ chế quản trị hiệu quả. Sự hiện diện đồng bộ và sự tương tác lẫn nhau của cả ba yếu tố đó đã tạo ra sự khác biệt của các trường ĐH hàng đầu thế giới. Để xây dựng trường ĐH đẳng cấp thế giới, các nước thường đi theo một trong 3 cách: phát triển các trường ĐH có sẵn, sáp nhập một số trường chất lượng cao để phát triển, và xây dựng trường ĐH hoàn toàn mới. Nhưng dù theo cách nào thì chủ trương xây dựng các trường ĐH đẳng cấp thế giới cũng phải căn cứ trên nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và hiện trạng của hệ thống GDDH của đất nước, xác định rõ vì sao cần các trường ĐH như thế và mối quan hệ giữa các trường đó với toàn bộ hệ thống GDDH của đất nước.

Liên quan đến xu hướng theo đuổi mục tiêu xây dựng các trường ĐH đẳng cấp thế

giới, một ý kiến khác cũng rất đáng quan tâm. Trong Báo cáo của Hội nghị khu vực châu Á – Thái Bình Dương tại Ma Cao tháng 9 năm 2008 chuẩn bị cho WCHE-Paris 2009 có viết: “Không một quốc gia nào có đủ sức chu cấp kinh phí để mọi trường ĐH của mình tương xứng với các trường ĐH nghiên cứu đẳng cấp thế giới. Tốt hơn hết, nhiều quốc gia có thể định vị trong một thị trường cạnh tranh toàn cầu bằng cách tạo dựng cho mình một “hệ thống đẳng cấp thế giới về GDDH” hơn là tập trung phần lớn nguồn lực của mình để tạo nên một số ít cái gọi là trường ĐH đẳng cấp thế giới”. Hệ thống đẳng cấp thế giới về GDDH là “hệ thống nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội và sự đa dạng của nền học vấn - năng lực của sinh viên do kết quả của việc đại chúng hóa (GDDH). Các trường ĐH cần có các sứ mạng khác nhau và cần phục vụ nhiều loại nhóm người khác nhau có lợi ích liên quan với GDDH. Hoạt động cơ bản của GDDH vẫn là giảng dạy và học vấn, và trong một môi trường toàn cầu ngày càng phức tạp và biến động, sự phù hợp của các hoạt động của chúng đối với các cộng đồng địa phương sẽ trở nên hết sức quan trọng”. Nói cách khác, đó là hệ thống

GDDH mạnh, đa dạng, phân tầng, đáp ứng có hiệu quả các yêu cầu khác nhau của sự phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu học tập của nhân dân.

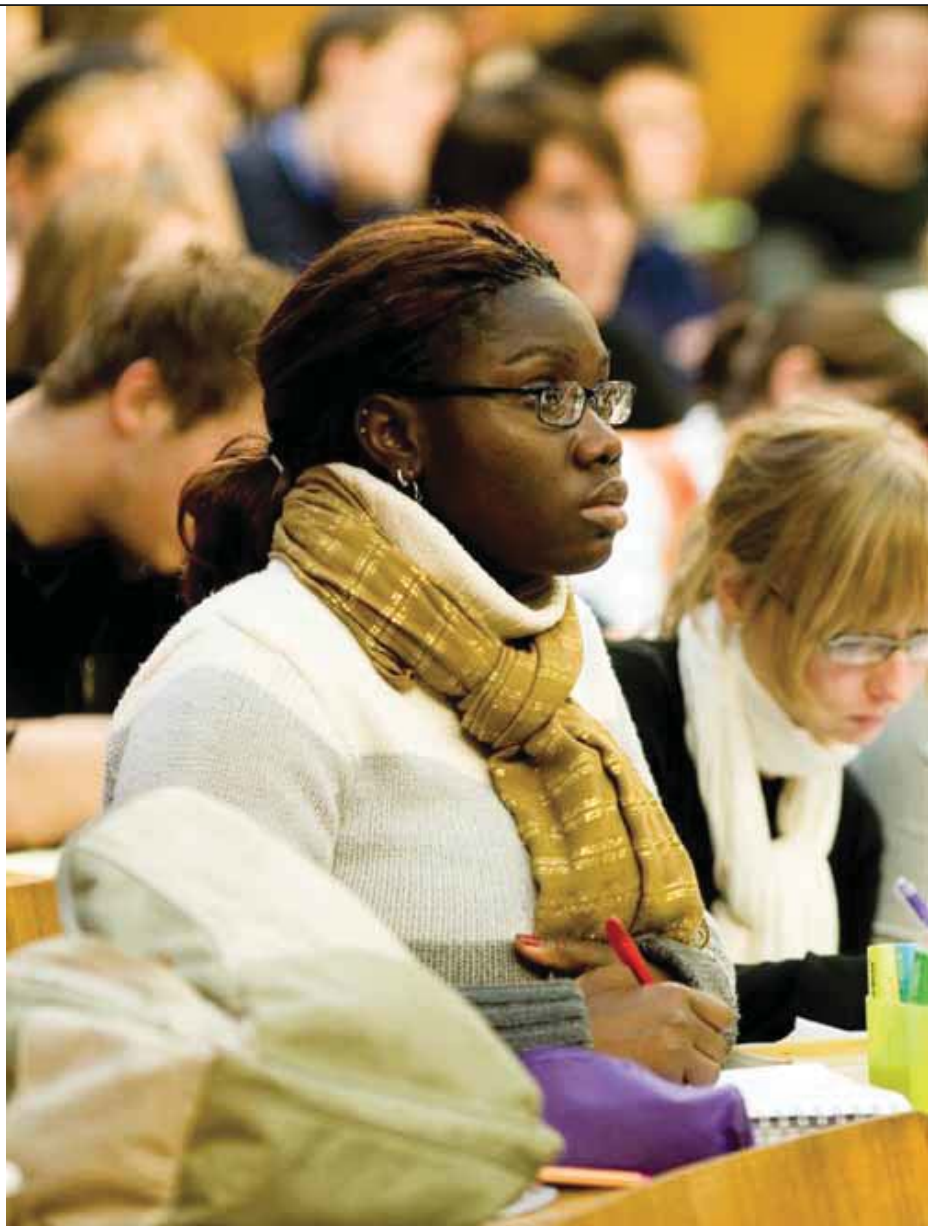
VỀ CÁC MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mô hình trường ĐH là một vấn đề mà nhiều hệ thống GDDH quan tâm. Lịch sử phát triển của mô hình trường ĐH gắn với lịch sử phát triển GDDH nói chung, liên quan đến sứ mạng của trường ĐH, có thể xét từ hai góc độ: về cấu trúc học thuật, tức lĩnh vực kiến thức được đào tạo và về cơ cấu tổ chức gắn với nhiệm vụ, chức năng, đối tượng phục vụ của nó.

Từ sau Thế chiến thứ 2, việc đại chúng hóa GDDH ngày càng diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp thế giới. Để đáp ứng các xu thế đó, các loại hình cơ sở GDDH và cơ cấu tổ chức của các trường ĐH cũng biến đổi hết sức đa dạng.

Sự phân dị hệ thống GDDH và hình thành các loại hình GDDH có thể tóm tắt trong các xu hướng sau đây: 1) hình thành các loại cơ sở GDDH ngắn hạn đáp ứng nhu cầu nhân lực nghề nghiệp; 2) phát triển GDDH tự; 3) hình thành các cơ sở GDDH phục vụ giáo dục mở và từ xa. 4) phân tầng các cơ sở GDDH theo “kế hoạch”.

Trong xu thế đại chúng hóa GDDH số người có nhu cầu học ĐH tăng lên, chẳng những trình độ ĐH cần cho các ngành nghề truyền thống (luật sư, bác sĩ...) mà cũng cần cho các ngành nghề lao động phổ biến (kỹ thuật công nghiệp, nông nghiệp, dạy học, kinh doanh...). Có thể nói chính xác hơn không phải cần đại chúng hóa GDDH ở cấp university mà cần đại chúng hóa trong phạm vi rộng hơn của giáo dục sau trung học (postsecondary education- GDSTH). Để có thể tiếp nhận một số lớn người học, cần các loại cơ sở giáo dục mà sinh viên đầu vào ít chọn lọc hơn, thời gian ngắn hơn, giảm bớt các môn học lý luận quá sâu, không yêu cầu gắn kết chặt chẽ với hoạt động nghiên cứu mà cần đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp cụ thể... Các loại cơ sở có đặc điểm tương tự đã xuất hiện ở các nước khác nhau với tên gọi khác nhau. Ở Anh và Úc xuất hiện các loại trường bách nghệ (polytechnics), Colleges of Advance Education (CAE), Technical and Further Education (TAFE).



Ở Pháp xuất hiện loại trường Instituts Universitaires de Technologie (IUT), ở Đức có loại Technischen Hochschulen. Ở Mỹ có loại hình cao đẳng cộng đồng (Community College) được hình thành từ cuối thế kỷ 19 và trở thành một hệ thống GDSTH quan trọng sẽ được giới thiệu ở phần sau.

Ở Mỹ hệ thống các viện ĐH tư đã xuất hiện từ lâu, trong đó có các trường đầu tiên Harvard University xuất hiện từ năm 1636 trở thành một trong những viện ĐH hàng đầu. Truyền thống hiến tặng cho các trường ĐH khiến một số trường ĐH tư rất mạnh (năm 2007 Harvard có tài sản hiến tặng 35 tỷ USD, đứng đầu Hoa Kỳ). Ở Mỹ các trường đại học tư, đặc biệt là các

trường đào tạo bậc cao, phần lớn (70% vào năm 2008) là không vì lợi nhuận. Những năm gần đây có một số trường tư vì lợi nhuận, trong đó trường lớn nhất là Đại học Phoenix dùng phương thức đào tạo từ xa. Một số nhà nghiên cứu GDDH Mỹ cho rằng đó là mảng tối của GDDH Hoa Kỳ, là các trường “không có tương lai”. Năm 2010 một cuộc điều tra mật của Cơ quan Giải trình Quốc gia (GAO) trước Thượng viện Mỹ ở 15 trường đại học vì lợi nhuận ở 6 tiểu bang đã đưa ra kết luận là tất cả các trường đều gian lận trong tiếp thị, và giá đào tạo của họ có khi cao gấp 30 lần so với một trường cao đẳng cộng đồng lân cận. Quốc hội Mỹ đang cân nhắc về chính sách cho các loại trường đại



học vì lợi nhuận, vì hiện sinh viên từ các trường đó đang nhận hơn 4 tỷ USD học bổng và 20 tỷ USD tiền vay từ ngân sách. Ở Mỹ thì như vậy, còn ở các nước đang phát triển hoặc các nước kinh tế chuyển đổi (xã hội chủ nghĩa cũ) hệ thống trường tự phát triển ồ ạt trong vài thập niên qua, và phần lớn đó là các trường chất lượng kém, dành cho các sinh viên không vào được các trường công.

Nhu cầu đại chúng hóa GDĐH còn thể hiện đối với các tầng lớp cư dân không có điều kiện đi học ở các trường ĐH thông thường, hoặc những người vào thời trẻ không được tiếp cận GDĐH. Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của khoa học làm vòng đời của công nghệ mới trở nên

rất ngắn, các nghề nghiệp liên quan đến công nghệ mới cần được cập nhật thường xuyên. Đáp ứng các đòi hỏi đó, mô hình ĐH mở đầu tiên trên thế giới xuất hiện ở Anh năm 1969 đã lan truyền rất nhanh chóng. Ở châu Á, ĐH mở quốc gia Hàn Quốc (KNOU) được thành lập từ năm 1972, ĐH mở Soukhothai Thamathirat (STOU) Thái Lan được thành lập năm 1978, ĐH mở Trung Quốc ngày nay, trước đây là ĐH Truyền thanh và Truyền hình Trung ương Trung Quốc (CCRTVU) thành lập năm 1979, ĐH mở Indira Ghandi, Ấn Độ (Indira Ghandi National Open University – IGNOP) thành lập năm 1985... Các ĐH mở nói trên có hàng trăm nghìn sinh viên, riêng CCRTVU vào năm 2006 có

gần 2 triệu sinh viên.

Công nghệ đào tạo được sử dụng cho giáo dục mở và từ xa phát triển và mở rộng rất nhanh, đã trải qua nhiều thế hệ, lần lượt và kết hợp từ việc sử dụng bu-đi-ên, multimedia, tele-learning, Internet cho đến mobiphone... Với công nghệ giảng dạy và đánh giá của các trường ĐH mở và từ xa, nhiều nước đã giải quyết tốt vấn đề đảm bảo chất lượng cho hệ thống đào tạo không chính quy, kết nối hệ thống đào tạo không chính quy (KCCQ) và đào tạo chính quy, tạo cơ hội học tập suốt đời ở bậc đại học.

CÁC HỆ THỐNG PHÂN NHÁNH VÀ PHÂN TẦNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Để đáp ứng nhu cầu gia tăng số lượng sinh viên ĐH đồng thời giữ vững chất lượng của một số trường ĐH đẳng cấp cao, ở một số quốc gia Nhà nước đã đứng ra tổ chức phân tầng các trường đại học. Theo xu hướng này có thể kể đến hệ thống nhị phân (binary) tại Anh, Úc và kế hoạch tổng thể (master plan) đối với GDĐH công lập ở California, Mỹ.

Theo hệ thống GDĐH nhị phân ở Anh và Úc, tồn tại trong các thập niên 1970 – 1990, các cơ sở GDĐH được phân chia rạch ròi làm hai loại: các university là các cơ sở GDĐH truyền thống đảm bảo tinh học thuật cao, gắn chặt đào tạo với nghiên cứu; và hệ thống các trường bách nghệ (polytechnics) đào tạo chủ yếu các kỹ năng thực hành nghề cụ thể của các nghề kỹ thuật, dạy học, kinh doanh, không chú ý đến nghiên cứu. Các cơ sở trong hệ thống university có quyền tự chủ cao, cấp các bằng cấp có tinh học thuật cao, còn hệ thống polytechnics phải thực hiện việc cấp bằng qua một hội đồng giáo dục gắn với các university. Hệ thống nhị phân nói trên không ổn định và các trường polytechnics ngày càng chú ý nhiều hơn các hoạt động giống như các university, do đó những quy định cứng về hệ thống nhị phân này bị xóa bỏ năm 1989 ở Úc và năm 1991 ở Anh.

Hệ thống GDĐH 3 tầng ở California, Mỹ: Đây là một hệ thống GDĐH phân tầng đã phát triển tốt, có tính ổn định cao, tồn tại và phát huy tác dụng cho đến ngày nay. Vào năm 1960 với nhu cầu tăng số lượng

sinh viên ĐH, Tiểu bang California, Mỹ đã đưa ra bản kế hoạch tổng thể nhằm tổ chức lại hệ thống các cơ sở GDĐH công lập, nhằm một mặt đảm bảo chất lượng và tính phù hợp của GDĐH, mặt khác tạo cơ hội cho mọi thanh niên trong tiểu bang tiếp cận GDĐH. Theo kế hoạch tổng thể, các cơ sở GDĐH công lập của California được chia thành 3 tầng: Tầng trên cùng gồm 9 viện ĐH tập hợp trong hệ thống được gọi là University of California (UC), tuyển 12,5% tổng trên của học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học, đào tạo tất cả các bằng cử nhân (bachelor), thạc

triển theo qui hoạch tổng thể 1960 rất có kết quả, được đánh giá là một trong các hệ thống GDĐH tốt nhất, được xem là "California dream" và được các nước OECD khuyến cáo tham khảo để xây dựng hệ thống GDĐH tốt cho thế kỷ 21. Hệ thống này vừa đảm bảo được mục tiêu xây dựng các viện ĐH nghiên cứu đẳng cấp cao ở California (UC) vừa thỏa mãn nhu cầu thụ hưởng GDĐH của mọi thanh niên. Chính hệ thống các trường cao đẳng cộng đồng với bằng á cử nhân và chương trình chuyển tiếp là sáng tạo độc đáo của hệ thống GDĐH Mỹ, chẳng những phát

viên (tức tỉ số SV/GV là 29) với 7,924 tiến sĩ (tức tỉ số TS/GV là 10,6%). Chỉ riêng vài con số thống kê nêu trên cũng có thể suy ra rằng chất lượng GDĐH nước ta rất thấp. Thêm nữa, trong tổng số SV ĐH nước ta có gần một nửa thuộc hệ không chính quy (KCQ) với chất lượng cực thấp. Việt Nam có 2 ĐH quốc gia, 3 ĐH vùng, 16 trường ĐH trọng điểm, và đang xây dựng 4 ĐH "xuất sắc" dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài với hy vọng sau vài thập niên có trường đạt "đẳng cấp thế giới". Ngoài ra ở Việt Nam cũng có vài chục trường cao đẳng cộng đồng và ĐH địa phương, hình thành 80 trường ĐH và cao đẳng tư.

Như vậy, về mặt "vật liệu", trên danh nghĩa chúng ta có tất cả các cơ sở GDĐH để có thể hình thành một hệ thống GDĐH phục vụ tốt cho sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, hoạt động của hệ thống GDĐH chưa được tổ chức tốt theo kinh nghiệm và các thông lệ quốc tế.

Sau đây xin nêu một số ví dụ:

Thứ nhất về mặt tổ chức, nên hiểu mỗi ĐH quốc gia hoặc ĐH vùng là một cơ sở giáo dục ĐH hay là một hệ thống cơ sở GDĐH? Nếu là một cơ sở GDĐH thì sự liên kết của các trường thành viên đang quá lỏng lẻo, không tận dụng được sức mạnh tổng hợp của tính đa ngành, đa lĩnh vực trong việc trang bị cho sinh viên nền tảng giáo dục đại cương, cũng như tạo quan hệ tốt giữa các ngành nghề trong các nghiên cứu có tính tổng hợp. Nếu là một hệ thống cơ sở GDĐH thì mỗi thành viên của cơ sở đó lại là một trường ĐH đơn ngành (college), không phải là đa lĩnh vực (university) để có thể phát triển thuận lợi theo thông lệ quốc tế.

Ví dụ thứ hai về hệ thống các trường tư. Như là kết quả của việc đổi mới GDĐH khi đổi mới mô hình kinh tế xã hội, cho đến nay chúng ta đã có 80 trường ĐH và cao đẳng tư. Các trường này sẽ đi theo hướng nào, "vi lợi nhuận" hay "không vi lợi nhuận"? Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP về "đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao" của Chính phủ có khẳng định về việc tồn tại hai loại hình nói trên, nhưng Nhà nước khuyến khích các trường tư phát triển theo cơ chế không vi lợi nhuận. Tuy nhiên, mọi quy chế được công bố về



sĩ (master) và tiến sĩ. Tầng giữa bao gồm 19 viện ĐH tập hợp trong hệ thống được gọi là California State University (CSU), gồm 33% học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học, đào tạo các bằng cử nhân, thạc sĩ và các bằng nghề nghiệp khác (trừ các bằng nghề bậc cao luật và y). Tầng dưới cùng gồm hơn 100 trường cao đẳng cộng đồng (community college) nhận toàn bộ học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học còn lại vào học theo các chương trình bổ túc, đào tạo nghề và các chương trình giáo dục đại cương nhận bằng á cử nhân (associate degree) để chuyển tiếp học giai đoạn chuyên nghiệp của các trường và viện ĐH thích hợp khác.

Hệ thống GDĐH công lập California phát

huy tác dụng trong hệ thống hơn 100 trường cao đẳng cộng đồng California mà còn trong cả hệ thống hơn 1500 trường cao đẳng cộng đồng Mỹ, làm cho Hoa Kỳ bước vào giai đoạn GDĐH đại chúng từ cuối thập niên 1920 và GDĐH phổ cập trước các nước phát triển khác khoảng 3 thập niên.

VÀI LIÊN TƯỞNG VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Về số lượng, GDĐH Việt Nam đã phát triển nhanh chóng: vào năm 2010 có 386 trường ĐH và cao đẳng, với tổng số 2.162.106 sinh viên (tức GER đã đạt cỡ 24%). Như vậy nước ta đã bước vào ngưỡng GDĐH đại chúng. Phục vụ cho hệ thống GDĐH có tổng số 74.573 giảng

các loại trường ĐH cao đẳng tư cho đến nay chỉ có cho loại trường vì lợi nhuận, tức là trên thực tế những người quản lý hệ thống GDDH ép các trường tư phát triển theo hướng vì lợi nhuận. Kinh nghiệm thế giới cho thấy hướng không vì lợi nhuận mới là hướng lành mạnh để phát triển ĐH tư, còn hướng vì lợi nhuận ẩn chứa rất nhiều vấn đề.

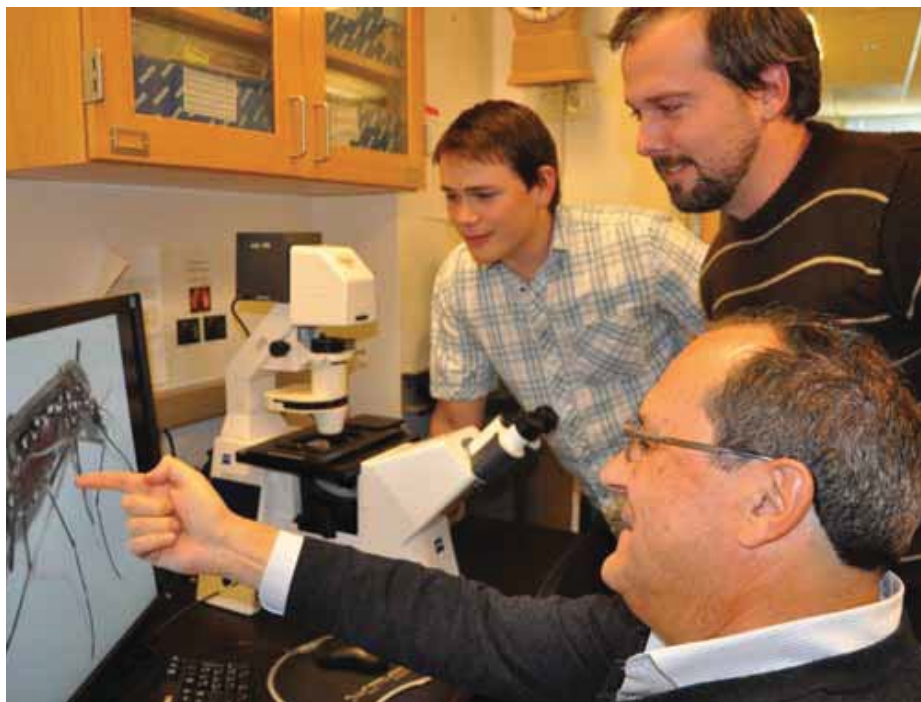
Ví dụ thứ 3 về các ĐH mở và hệ thống đào tạo KCQ. Theo xu thế phát triển của Giáo dục mở và Từ xa (GDM&TX) trên thế giới, vào năm 1993 ở Việt Nam 2 ĐH mở đã được thành lập: Viện ĐH mở Hà Nội và ĐH mở bán công tp. HCM với chức năng chính được quy định là tập trung cho phương thức GDM&TX để thu hút đông đảo SV học tập với điều kiện mềm dẻo, không bị ràng buộc khắt khe như theo phương thức chính quy. Tuy nhiên, đã gần 20 năm qua Nhà nước chưa có đầu tư đáng kể nào cho 2 ĐH mở, thậm chí mấy năm gần đây đã xếp các trường này vào loại “tự chủ về tài chính”, tức là không được nhận đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Một điều đáng buồn là Dự án “Phát triển Giáo dục từ xa giai đoạn 2005-2010” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 164/2005/QĐ-TTg ngày 16/4/2005 mà cho đến nay (đầu năm 2012) hoàn toàn chưa được triển khai. Một vấn đề nhức nhối của hệ thống GDDH nước ta là chất lượng của hệ KCQ rất kém, ai cũng phải thừa nhận, nhưng nhiều thập niên qua không có biện pháp xử lý, vì sợ ngại động đến “nồi cơm” của các trường ĐH. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ: thực chất của hệ KCQ là đào tạo theo phương thức GDM&TX, nhưng các trường ĐH đã không sử dụng công nghệ đặc biệt của GDM&TX nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo cho số đông, mà dùng cách thức dễ dãi của hệ đào tạo mặt - giáp - mặt thông thường. Nhiều quốc gia khác (Thái Lan, Trung Quốc) đã xử lý tốt vấn đề này nhờ chuyển dịch đào tạo KCQ không chuyên nghiệp ở các trường ĐH thông thường sang đào tạo KCQ “chuyên nghiệp” (với công nghệ GDM&TX cho số đông) của các trường ĐH mở. Vấn đề này đã được nhiều lần nêu ra, tại sao nước ta không học tập kinh nghiệm đó? Đầu tư cho các ĐH mở để chúng trở thành móc xích - liên thông giữa hệ thống GDDH

chính quy với hệ thống KCQ, nói rộng ra là giữa hệ thống GDDH chính quy với xã hội học tập, khuyến khích và đảm bảo hiệu quả cho hoạt động học thường xuyên suốt đời, là một nhân tố rất quan trọng của GDDH thế kỷ 21. Thế mà bài toán đó đã bị bỏ quên trong những chủ trương về chính sách giáo dục ở nước ta.

Cuối cùng, ví dụ thứ 4 về hệ thống các trường cao đẳng cộng đồng và các ĐH địa phương nước ta. Một trong các yếu tố độc đáo của hệ thống GDDH California cũng như GDDH Mỹ nói chung là hệ thống các

đoạn, chúng chỉ giáo dục đại cương và xây dựng các ĐH cộng đồng. Tuy nhiên cho đến nay các ý tưởng đó đều bị bỏ dở, không được thực hiện đến nơi đến chốn, do đó hệ thống cao đẳng cộng đồng và ĐH địa phương nước ta không phát huy được tác dụng.

Hiện nay nước ta đang xây dựng Luật GDDH, hệ thống Đảng cũng đang chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục, tức là cải cách giáo dục. Trong thời đại hiện nay, thời đại mà nhân loại quá độ sang nền kinh tế tri



trường cao đẳng cộng đồng rộng khắp gắn với địa phương, đào tạo nhân lực cho địa phương và tạo cơ hội tiếp cận GDDH cho mọi thanh niên Mỹ. Thành công của hệ thống đó có được nhờ ý tưởng về phân tầng GDDH, quy định chức năng của từng tầng, thiết kế bằng á cử nhân và các cơ chế đào tạo chuyển tiếp của hệ thống GDDH Mỹ. Có thể nói các trường ĐH Mỹ có quyền tự chủ cao hơn nhiều so với ĐH ở các quốc gia khác, nhưng việc quản trị và thiết kế vĩ mô của nhà nước rất chặt chẽ, biểu hiện rất rõ ở quy hoạch tổng thể về GDDH California. Hệ thống GDDH nước ta đã từng mong muốn học tập kinh nghiệm đó của hệ thống GDDH Mỹ bằng cách đưa vào quy trình đào tạo hai giai

thúc, nhiều nhà chiến lược đã khẳng định rằng các dân tộc phải đi lên từ giáo dục, mà trong giáo dục, GDDH đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Do đó các hoạt động xây dựng luật GDDH và chuẩn bị cho cải cách giáo dục chính là cơ hội cho đất nước nói chung, cho cộng đồng những người làm giáo dục nói riêng, đặc biệt cho những người lãnh đạo trong lĩnh vực giáo dục. Chúng tôi hy vọng rằng các vấn đề được nêu trong bốn ví dụ trên đây sẽ được lưu ý và các giải pháp xử lý chúng sẽ được cân nhắc và quyết định để góp phần thúc đẩy nền GDDH nước ta.